

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN VĂN LÂM

**NHỮNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI
ĐOẠN ĐIỀU TRA THEO LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN ĐỨC PHÚC

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các chữ viết tắt

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU 1

**Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC BIỆN PHÁP
NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA THEO
LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM** 7

**1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của các biện pháp ngăn
chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự
Việt Nam** 7

1.1.1. Khái niệm biện pháp ngăn chặn..... 7

1.1.2. Đặc điểm của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều
tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam 12

1.1.3. Ý nghĩa của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra
theo luật tố tụng hình sự Việt Nam..... 17

**1.2. Khái quát lịch sử các biện pháp ngăn chặn trong lịch sử
pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến
trước khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003** 18

**1.3. Quy định pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong
giai đoạn điều tra trong pháp luật của một số nước trên
thế giới và những giá trị có thể tham khảo ở Việt Nam**..... 21

1.3.1. Quy định pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra trong pháp luật của một số nước trên thế giới	21
1.3.2. Những giá trị có thể tham khảo trong quy định pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo pháp luật của một số nước trên thế giới	25
Kết luận chương 1	28
Chương 2: QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA THEO LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TẠI TỈNH ĐẮK LẮK.....	29
2.1. Quy định pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật TTHS Việt Nam	29
2.1.1. Quy định pháp luật về biện pháp bắt người.....	29
2.1.2. Quy định pháp luật về biện pháp tạm giữ.....	33
2.1.3. Quy định pháp luật về biện pháp tạm giam.....	34
2.1.4. Quy định pháp luật về biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú trong giai đoạn điều tra.....	36
2.1.5. Quy định pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong giai đoạn điều tra	37
2.1.6. Quy định pháp luật về biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm trong giai đoạn điều tra	38
2.1.7. Huỷ bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra	39
2.1.8. Quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên trong giai đoạn điều tra	39
2.2. Thực trạng áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật TTHS Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk.....	40
2.2.1. Thực trạng áp dụng biện pháp bắt người	40

2.2.2.	Thực trạng áp dụng biện pháp tạm giữ	50
2.2.3.	Thực trạng áp dụng biện pháp tạm giam:	51
2.2.4.	Thực trạng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú	53
2.2.5.	Thực trạng áp dụng biện pháp bảo lãnh	56
2.2.6.	Thực trạng áp dụng biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị đề bảo đảm	57
2.3.	Nhận xét, đánh giá về áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk.....	58
2.3.1.	Những ưu điểm đạt được	58
2.3.2.	Một số hạn chế tồn tại.....	59
2.3.3.	Nguyên nhân của hạn chế tồn tại.....	60
	Kết luận chương 2	61
	Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TẠI TỈNH ĐẮK LẮK.....	62
3.1.	Một số yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk	62
3.1.1.	Đặc điểm tình hình tự nhiên, vị trí địa lý và dân cư của tỉnh Đắk Lắk.....	62
3.1.2.	Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Đắk Lắk.....	63
3.1.3.	Tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	64
3.2.	Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk.....	65
3.2.1.	Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về các biện pháp ngăn chặn	65

3.1.2. Hoàn thiện tổ chức, bộ máy của các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam.....	75
3.1.3. Tăng cường sự phối hợp giữa Viện Kiểm sát, cơ quan điều tra và các cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam.....	77
3.1.4. Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra.....	80
3.1.5. Tăng cường vận động quần chúng tham gia vào việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra	83
Kết luận chương 3	85
KẾT LUẬN	86
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	88

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bộ luật Tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam quy định về các biện pháp ngăn chặn trở thành công cụ hữu hiệu trong đấu tranh ngăn chặn tội phạm, phục vụ cho công tác điều tra truy tố, xét xử và để đảm bảo thi hành án.

Các biện pháp ngăn chặn: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm được quy định tại Chương V Bộ luật TTHS Việt Nam. Việc tìm hiểu, nghiên cứu những quy định này không chỉ cần thiết đối với người tiến hành tố tụng mà còn rất cần thiết đối với mọi công dân.

Hiện nay, cải cách tư pháp đang được Đảng và Nhà nước ta quan tâm coi là nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để thực hiện nhiệm vụ này, Bộ chính trị đã ra Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 02 tháng 01 năm 2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết 49-NQ/TU ngày 02/06/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Các nghị quyết trên đã chỉ rõ nhiều vấn đề cụ thể của tố tụng hình sự cần phải được nghiên cứu một cách toàn diện để thể chế hóa vào quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), tạo cơ sở pháp lý nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài "***Những biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)***", là vấn đề mang tính cấp bách, thiết thực không những về mặt lý luận mà cả về mặt thực tiễn đối với địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Chương 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VỀ CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU
TRA THEO LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm biện pháp ngăn chặn

Trên cơ sở trên có thể đưa ra khái niệm về các biện pháp ngăn chặn như sau: *Các biện pháp ngăn chặn là các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự do những người có thẩm quyền theo luật định áp dụng đối với những người trong những trường hợp cụ thể do pháp luật tố tụng hình sự quy định nhằm ngăn chặn tội phạm, đảm bảo cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và việc chấp hành bản án hình sự một cách đúng đắn, khách quan.*

1.1.2. Đặc điểm của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam

* Bắt người là biện pháp ngăn chặn bao gồm bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

- Bắt bị can để tạm giam là bắt người đã bị khởi tố về hình sự để tạm giam phục vụ cho việc điều tra vụ án hình sự.

- Bắt người trong trường hợp khẩn cấp là khi có căn cứ cho rằng một người đang chuẩn bị thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc sau khi thực hiện tội phạm người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

- Bắt người phạm tội quả tang là bắt người khi người đó đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt. Bắt người phạm tội đang bị truy nã là bắt người phạm tội đang lẩn trốn và đã có quyết định truy nã.

* Tạm giữ áp dụng đối người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã.

Việc tạm giữ hình sự là để Cơ quan điều tra phân loại hành vi, củng cố thu thập tài liệu chứng cứ phục vụ cho việc điều tra vụ án.

* Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can trong những trường hợp sau đây:

- Bị can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội rất nghiêm trọng;
- Bị can phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Đối với bị can là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà nơi cư trú rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ những trường hợp sau đây:

Bị can bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã;

Bị can được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng tiếp tục phạm tội hoặc cố ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra;

Bị can phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ cho rằng nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Việc áp dụng biện pháp tạm giam là do Cơ quan điều tra thấy cần thiết cho việc điều tra vụ án và phải có căn cứ luật định khi áp dụng.

Việc tạm giữ, tạm giam được thực hiện theo quy chế tạm giữ, tạm giam, cụ thể:

Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 1998.

Nghị định số 98/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2002.

Nghị định số 09/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2011.

* Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể được áp dụng đối với bị can có nơi cư trú rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra.

* Bảo lãnh là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị can mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được bảo lãnh.

* Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình trạng tài sản của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập.

* Huỷ bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn

1.1.3. Ý nghĩa của các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam

Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là những biện pháp cưỡng chế Nhà nước thể hiện tính quyền uy trong phương pháp điều chỉnh

của luật tố tụng hình sự. Vai trò Nhà nước trong hoạt động tố tụng càng được phát huy trở thành công cụ để bảo vệ chế độ xã hội. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đúng đắn có ý nghĩa rất lớn trong quá trình điều tra giải quyết vụ án hình sự

1.2. Khái quát lịch sử các biện pháp ngăn chặn trong lịch sử pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

Sắc lệnh số 13/SL ngày 14/1/1946 về tổ chức Tòa án và ngạch Thẩm phán, Sắc lệnh số 131 ngày 20/7/1946 về tổ chức bộ máy tư pháp Công an, Sắc lệnh số 85/SL ngày 7/11/1950 về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng, đều có quy định về thẩm quyền bắt người;

Đến ngày 18/10/1949 Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra sắc lệnh số 117/SL sửa đổi Điều 7 Sắc lệnh 131 ngày 20/7/1946, phần sửa đổi (thực chất là bổ sung) quy định thêm căn cứ khi vào nhà tù nhân ban đêm đó là khi chủ nhà chứa chấp những kẻ đào thoát bị giam cứu, thành án hoặc đang bị truy nã theo lệnh truy nã của Ủy ban kháng chiến hành chính hay Tòa án.

Bộ luật TTHS năm 1988 thì các biện pháp ngăn chặn đã được quy định thành một chương riêng trong đó nêu rõ có các biện pháp ngăn chặn đó là: Bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

1.3. Quy định pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra trong pháp luật của một số nước trên thế giới và những giá trị có thể tham khảo ở Việt Nam

1.3.1. Quy định pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra trong pháp luật của một số nước trên thế giới

* Bộ luật TTHS của Cộng hòa liên bang Nga

* Luật TTHS của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa:

1.3.2. Những giá trị có thể tham khảo trong quy định pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo pháp luật của một số nước trên thế giới:

- Thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Nga

- Biện pháp ngăn chặn Quản lý người bị tình nghi hoặc bị can là người chưa thành niên trong bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Nga.

- Biện pháp bảo lãnh trong luật TTHS Cộng hòa liên bang Nga và luật TTHS cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

- Căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam đối với những tội phạm ít nghiêm trọng trong luật TTHS Cộng hòa liên bang Đức.

Chương 2

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA THEO LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. Quy định pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật TTHS Việt Nam

2.1.1. Quy định pháp luật về biện pháp bắt người

**** Bắt bị can để tạm giam***

Bắt bị can để tạm giam là bắt người đã bị khởi tố về hình sự để tạm giam phục vụ cho việc điều tra vụ án án hình sự

Thẩm quyền ra lệnh bắt bị can để tạm giam:

Các quy định về việc bắt bị can để tạm giam:

** Bắt người trong trường hợp khẩn cấp*

Các căn cứ bắt khẩn cấp:

Thẩm quyền ra lệnh bắt khẩn cấp

Các quy định về việc bắt khẩn cấp:

** Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã*

** Những việc cần làm ngay sau khi bắt hoặc nhận người bị bắt:*

- Sau khi bắt hoặc nhận người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay và trong thời hạn 24 giờ phải ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt. Đối với người bị truy nã thì sau khi lấy lời khai, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy nã để đến nhận người bị bắt.

** Biên bản về việc bắt người*

** Thông báo về việc bắt*

2.1.2. Quy định pháp luật về biện pháp tạm giữ

** Các trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ*

Tạm giữ có thể được áp dụng đối với những người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã.

** Thẩm quyền ra quyết định tạm giữ:*

** Quy định về việc tạm giữ*

** Thời hạn tạm giữ:*

2.1.3. Quy định pháp luật về biện pháp tạm giam

** Các trường hợp áp dụng biện pháp tạm giam:*

** Thẩm quyền ra lệnh tạm giam trong giai đoạn điều tra:*

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trong trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Viện kiểm sát phải hoàn trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc xét phê chuẩn.

Cơ quan ra lệnh tạm giam phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam và cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam cư trú hoặc làm việc biết.

** Chế độ tạm giữ, tạm giam*

Hiện nay chế độ tạm giữ, tạm giam thực hiện theo văn bản số 13/VBHN-BCA ngày 07/4/2014 của Bộ Công an quy định về quy chế tạm giữ, tạm giam ban hành theo nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ ban hành quy chế về tạm giữ, tạm giam có hiệu lực từ 22/11/1998 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 98/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2002 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế về tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 12/12/2002.

** Quy định về việc chăm nom người thân thích và bảo quản tài sản của người bị tạm giữ, tạm giam:*

2.1.4. Quy định pháp luật về biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú trong giai đoạn điều tra

Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể được áp dụng đối với bị can có nơi cư trú rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra.

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp có quyền ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú không cần phê chuẩn của Viện kiểm sát cấp cấp

2.1.5. Quy định pháp luật về biện pháp bảo lãnh trong giai đoạn điều tra

Bảo lãnh là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị can, Cơ quan điều tra có thể quyết định cho họ được bảo lãnh.

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp có quyền ra quyết định về việc bảo lãnh.

2.1.6. Quy định pháp luật về biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm trong giai đoạn điều tra

- Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam.

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp có quyền ra quyết định về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Trường hợp Viện kiểm sát phê

chuẩn thì đồng thời ra quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn. Trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn thì Cơ quan điều tra phải ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm.

Thông tư liên tịch số 17/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC- VKSNDTC-TANDTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 giữa Bộ Tư pháp, Bộ công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc đặt tiền để bảo đảm theo quy định tại điều 93 Bộ luật TTHS.

2.1.7. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra

- Khi vụ án bị đình chỉ thì mọi biện pháp ngăn chặn đã áp dụng đều phải được hủy bỏ.

2.1.8. Quy định về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên trong giai đoạn điều tra

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

**** Việc giám sát đối với người chưa thành niên phạm tội***

2.2. Thực trạng áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật TTHS Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk

2.2.1. Thực trạng áp dụng biện pháp bắt người

**** Tình hình và đặc điểm khi áp dụng biện pháp bắt người:***

**** Kết quả đạt được trong áp dụng biện pháp bắt người***

Theo số liệu của Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2010 đến 2014 trên địa bàn toàn tỉnh đã tiến hành bắt 9177 đối tượng. Trong đó, bắt khẩn cấp là 1757 đối tượng, bắt quả tang 3035 đối tượng, bắt tạm giam 3509 đối tượng, bắt truy nã 876 đối tượng.

Bảng 2.1: Số liệu của Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2010 đến 2014

Năm	Số lượng	Trường hợp bắt			
		<i>Quả tang</i>	<i>Truy nã</i>	<i>Khẩn cấp</i>	<i>Tạm giam</i>
2010	1703	555	152	311	685
2011	1423	410	146	306	561
2012	1569	399	207	288	675
2013	2252	885	196	397	774
2014	2230	786	175	455	814

(Nguồn: Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk)

- Bắt khẩn cấp:

Năm 2010 bắt khẩn cấp 311 trường hợp

Năm 2011 bắt khẩn cấp 306 trường hợp, trả tự do 02 trường hợp.

Năm 2012 bắt khẩn cấp 288 trường hợp, trả tự do 01 trường hợp.

Năm 2013 bắt khẩn cấp 397 trường hợp, trả tự do 05 trường hợp.

Năm 2014 bắt khẩn cấp 455 trường hợp, trả tự do 01 trường hợp.

- Bắt quả tang:

- Bắt bị can để tạm giam:

- Bắt truy nã:

Số trường hợp bắt truy nã chiếm tỷ lệ thấp trong biện pháp bắt người (dao động từ 8 đến 13%).

2.2.2. Thực trạng áp dụng biện pháp tạm giữ

Theo số liệu của Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2010 đến 2014 trên địa bàn toàn tỉnh đã tiến hành tạm giữ 6175 đối tượng.

Bảng 2.2: Số liệu của Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2010 đến 2014

Năm	Số lượng	Từ các trường hợp			
		<i>Quả tang</i>	<i>Truy nã</i>	<i>Khẩn cấp</i>	<i>Đầu thú, tự thú</i>
2010	1131	555	152	311	113
2011	963	410	146	304	103
2012	1017	399	207	287	124
2013	1579	885	196	395	106
2014	1482	786	175	454	67

(Nguồn: Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk)

Việc tạm giữ từ việc bắt người phạm tội quả tang chiếm tỷ lệ khá cao (trung bình dao động trong khoảng trên dưới 50%), tạm giữ đã tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan điều tra kiểm tra, xác minh kịp thời các thông tin liên quan về người bị tạm giữ.

2.2.3. Thực trạng áp dụng biện pháp tạm giam

Theo số liệu của Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2010 đến 2014 trên địa bàn toàn tỉnh đã tiến hành áp dụng biện pháp tạm giam 7889 bị can, trong đó bắt bị can để tạm giam là 3509 và chuyển từ tạm giữ là 4380 đối tượng.

Bảng 2.3: Số liệu của Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2010 đến 2014

Năm	Tổng số tạm giam	Bắt bị can để tạm giam	Từ tạm giữ chuyển tạm giam
2010	1495	685	810
2011	1280	561	719
2012	1431	675	756
2013	1806	774	1032
2014	1877	814	1063

(Nguồn: Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk)

2.2.4. Thực trạng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

Theo số liệu của Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2010 đến 2014 trên địa bàn toàn tỉnh đã tiến hành áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú 3697 bị can.

2.2.5. Thực trạng áp dụng biện pháp bảo lãnh

Theo số liệu của Cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk, từ năm 2010 đến 2014 trên địa bàn toàn tỉnh đã tiến hành áp dụng biện pháp cho bảo lãnh 4565 trường

2.2.6. Thực trạng áp dụng biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm

Từ năm 2010 đến năm 2014, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 06 trường hợp đặt tiền để đảm bảo. Vấn đề được đặt ra từ thực tế áp dụng biện pháp ngăn chặn này là do biện pháp ngăn chặn này không mang lại hiệu quả hay vì nguyên nhân gì khác.

2.3. Nhận xét, đánh giá về áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk

2.3.1. Những ưu điểm đạt được

2.3.2. Một số hạn chế tồn tại

Một số quy định của pháp luật chưa thực sự đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn hoạt động điều tra nói chung và việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói riêng đã gây khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng đòi hỏi cần được nghiên cứu sửa đổi để đạt độ chuẩn hóa và có định hướng cho tương lai.

Tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp vẫn còn xảy ra ở một số địa phương trong tỉnh.

Người dân mặc dù có vai trò rất quan trọng trong việc bắt người như hỗ trợ về vật chất, hỗ trợ cung cấp thông tin... nhưng người dân trực tiếp tham gia bắt chiếm tỷ lệ rất thấp.

Hạn chế áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo.

2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế tồn tại

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA THEO LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. Một số yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk

3.1.1. Đặc điểm tình hình tự nhiên, vị trí địa lý và dân cư của tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh trung tâm vùng Tây Nguyên có diện tích khoảng 13.125 km², có vị trí địa lý: Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, Nam giáp tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông, Tây nam giáp tỉnh Đắk Nông, Bắc giáp tỉnh Gia Lai, Tây giáp biên giới Cam pu chia. Dân số khoảng hơn 1.800.000 người với 47 dân tộc anh em sinh sống

3.1.2. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Đắk Lắk

Kinh tế Đắk Lắk chủ yếu dựa vào sản xuất và xuất khẩu nông lâm

sản với khoảng hơn 180.000ha cà phê và cũng là nơi trồng cây bông, cây ca cao, cây cao su, cây điều với diện tích lớn của Việt Nam.

Các lễ hội gồm có Lễ mừng lúa mới, Lễ bỏ mả, Lễ hội đâm trâu, Lễ cúng bến nước, Lễ hội công chiêng và gần đây là Lễ hội cà phê....

3.1.3. Tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Trong giai đoạn từ 2010 đến 2014 Cơ quan điều tra đã khởi tố 7.031 vụ án và 12.427 bị can

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk

3.2.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về các biện pháp ngăn chặn

Thứ nhất: Tăng thẩm quyền đối với ĐTV, KSV trong việc quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, cho bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo.

Thứ hai: Việc quy định bắt người trong trường hợp khẩn cấp:

Thứ ba: Điều 85 BLTTHS quy định về việc thông báo về việc bắt nhưng không quy định cụ thể về các trường hợp người bị bắt là người nước ngoài và thời hạn ra thông báo. Theo tôi cần quy định thời hạn thông báo là 24 giờ sau khi bắt hoặc nhận người bị bắt thì phải ra thông báo về việc bắt, còn việc thông báo về việc bắt đối với trường hợp là người nước ngoài thì phải quy định việc thông báo cho cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán nước có người bị bắt biết.

Thứ tư: Khoản 1 Điều 88 BLTTHS hiện nay quy định về các trường hợp có thể bị áp dụng biện pháp: Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo trong những trường hợp sau đây:

Khi bị áp dụng biện pháp tạm giam thì bị can bị cách ly cuộc sống bình thường hàng ngày của họ, một số quyền cơ bản bị hạn chế và là điều không mong muốn của người bị áp dụng do vậy không nên sử dụng từ *được* mà sử dụng cụm từ *Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo trong những trường hợp sau đây.*

Cũng là căn cứ để áp dụng biện pháp tạm giam đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 điều 88 BLTTHS hiện nay cần quy định cụ thể hơn các trường hợp để áp dụng chứ không nói chung chung là *có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.*

Theo tôi nên sửa đổi bổ sung điểm b khoản 1 điều 88 với các ý như sau:

Không nên sử dụng từ *cho rằng* mà sử dụng từ *xác định* thể hiện sự dứt khoát, rõ ràng không mang tính cảm tính bởi *cho rằng* có vẻ như là thể hiện quan điểm chủ quan của người tiến hành tố tụng và Cơ quan tiến hành tố tụng.

Đưa căn cứ bỏ trốn là một nội dung trong căn cứ cản trở điều tra, truy tố, xét xử.

Bỏ quy định về mức hình phạt tù trên 2 năm mới áp dụng biện pháp tạm giam.

Thứ năm: Về biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú quy định tại điều 91 BLTTHS:

Ở đây không sử dụng từ *sẽ* bởi như vậy dễ dẫn đến việc hiểu sai về thời điểm áp dụng biện pháp ngăn chặn khác khi bị can bị cáo vi phạm cam đoan. Cần áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn khác khi biện pháp ngăn chặn này bị vi phạm.

Thứ sáu: Về biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh quy định tại điều 92 BLTTHS:

Thứ bảy: Về biện pháp ngăn chặn đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm quy định tại Điều 93 của BLTTHS.

Thứ tám: Có quy định cụ thể để chuẩn hóa đội ngũ Điều tra viên:

3.1.2. Hoàn thiện tổ chức, bộ máy của các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục rà soát, nghiên cứu, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp theo tinh thần nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đó là Xác định rõ nhiệm vụ của cơ quan điều tra trong mối quan hệ với các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra theo hướng cơ quan điều tra chuyên trách điều tra tất cả các vụ án hình sự, các cơ quan khác chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra sơ bộ và tiến hành một số biện pháp điều tra theo yêu cầu của cơ quan điều tra chuyên trách.

Thứ hai: đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ ĐTV đủ năng lực đảm đương chức năng nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình đưa ra.

Điều tra viên thụ lý vụ án là người trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra, cần nhắc đề xuất áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can trong vụ án do đó Điều tra viên phải vững pháp luật, nghiệp vụ, nắm bắt

được nhân thân lai lịch, tâm sinh lý, điều kiện hoàn cảnh của bị can để đề xuất áp dụng biện pháp ngăn chặn đúng pháp luật và phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Theo tôi cần có các giải pháp sau:

- Đổi mới công tác tuyển chọn, bổ nhiệm ĐTV:

- Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ ĐTV và cán bộ giúp việc điều tra.

3.1.3. Tăng cường sự phối hợp giữa Viện Kiểm sát, cơ quan điều tra và các cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam

Thứ nhất, tăng cường sự phối hợp trên cơ sở quy định của pháp luật và tinh thần trách nhiệm, tuyệt đối loại bỏ tư tưởng “quyền anh, quyền tôi” trong công tác tố tụng.

Thứ hai, xây dựng các thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện pháp luật và quy định cơ chế phối hợp tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

3.1.4. Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra

Để nâng cao hiệu quả của biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và quy định của pháp luật về các biện pháp ngăn chặn nói riêng theo tôi cần có các giải pháp sau:

Về công tác tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo:

Về hình thức tuyên truyền

Về nội dung tuyên truyền:

3.1.5. Tăng cường vận động quần chúng tham gia vào việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra

KẾT LUẬN

Chế định các biện pháp ngăn chặn lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự của nước ta, có ý nghĩa về mặt lập pháp hết sức to lớn. Nó đánh dấu sự trưởng thành về mặt kỹ thuật lập pháp tố tụng hình sự của nước ta.

Các biện pháp ngăn chặn có vai trò quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự. Chúng đảm bảo cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả, bảo đảm hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng được thuận lợi, thể hiện sự chuyên chính của Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong việc đấu tranh chống tội phạm. Việc quy định các biện pháp ngăn chặn trong Bộ luật tố tụng hình sự góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ sự an toàn, vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân. Những hành vi vi phạm các quy định về các biện pháp ngăn chặn không chỉ xâm hại hoạt động đúng đắn của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, xâm hại quyền bất khả xâm phạm về thân thể và sinh mạng chính trị của công dân mà còn làm giảm uy tín của Nhà nước, giảm sút lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Như vậy, việc quy định và áp dụng đúng đắn các biện pháp ngăn chặn chính là sự đảm bảo chắc chắn cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ của tố tụng hình sự là phát hiện nhanh chóng, xử lý kịp thời, chính xác kẻ phạm tội, không bỏ lọt phạm tội, không làm oan người vô tội.

Việc nghiên cứu các biện pháp ngăn chặn ngoài ý nghĩa về mặt lý luận, còn có ý nghĩa phục vụ việc nâng cao nhận thức của nhân dân nói chung, cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật nói riêng về sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp này trong hoạt động điều tra.

Trong thời gian qua, cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng các biện pháp ngăn chặn để đấu tranh phòng, chống tội phạm một cách có hiệu quả. Đại đa số các trường hợp áp dụng các biện pháp ngăn chặn bảo đảm có căn cứ pháp luật, tình trạng tạm giữ, tạm giam không có lệnh, quá thời hạn thời hạn tạm giữ, tạm giam đã được khắc phục. Đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án để nắm thông tin và xử lý thông tin về tội phạm. Việc áp dụng hủy bỏ, thay thế các biện pháp ngăn chặn được cân nhắc thận trọng hơn khi quyết định. Có thể nói, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk đã phát huy được hiệu quả ngăn chặn tội phạm, không để những kẻ phạm tội tiếp tục phạm tội, phục vụ tốt hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn của cơ quan điều tra tỉnh Đắk Lắk vẫn còn một số tồn tại, thiếu sót cần khắc phục trong thời gian tới. hiện nay.